

Ngày	5,960 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.4%	-1.5%	5.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,950 - 8,460
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	192
Số lượng CPLH (CP)	32,191,624
KLGD BQ 20 phiên (CP)	40,835
Sở hữu nước ngoài	1.3%
Beta	1.04
EPS	267
P/E	22.3

DT thuần

Q1/24

0.01

tỷ VNĐ

QoQ: ▼36.7| -100.0%

YoY: ▼36.5| -100.0%

LN trước thuế

Q1/24

1.52

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.95| -82.0%

YoY: ▼6.32| -80.6%

LN sau thuế

Q1/24

1.52

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.95| -82.0%

YoY: ▼6.32| -80.6%

ROA

2023

0.8%

+/- YoY: ▲ 6.9%

DT thuần

2023

108

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 38.8| 55.6%

LN trước thuế

2023

14.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 74.5| 123%

LN sau thuế

2023

14.0

tỷ VNĐ

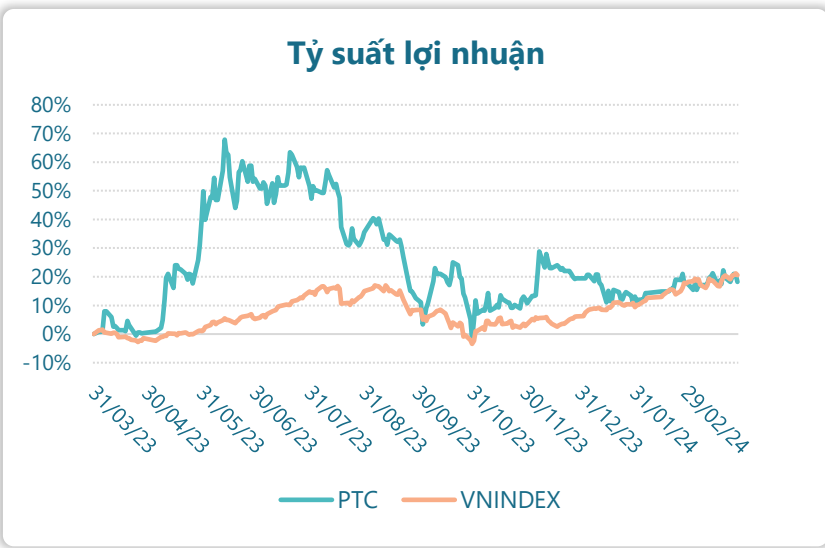
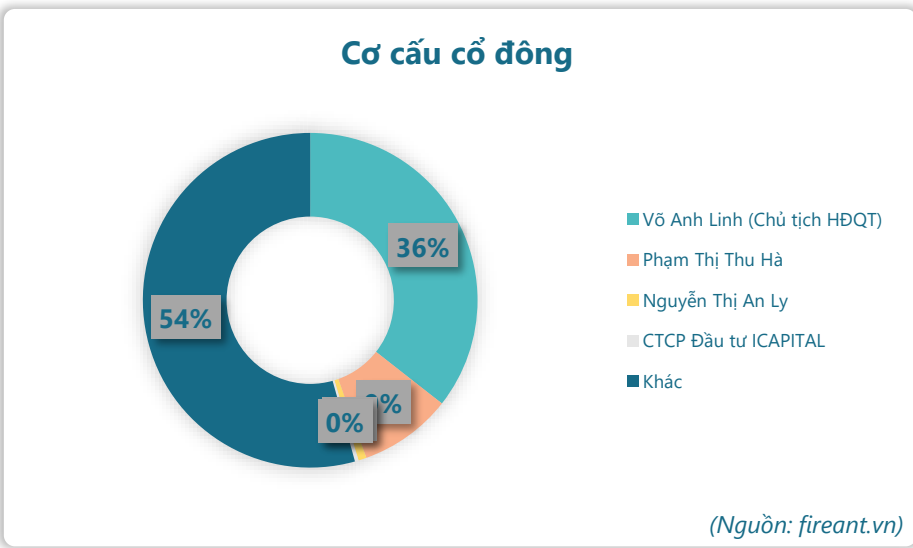
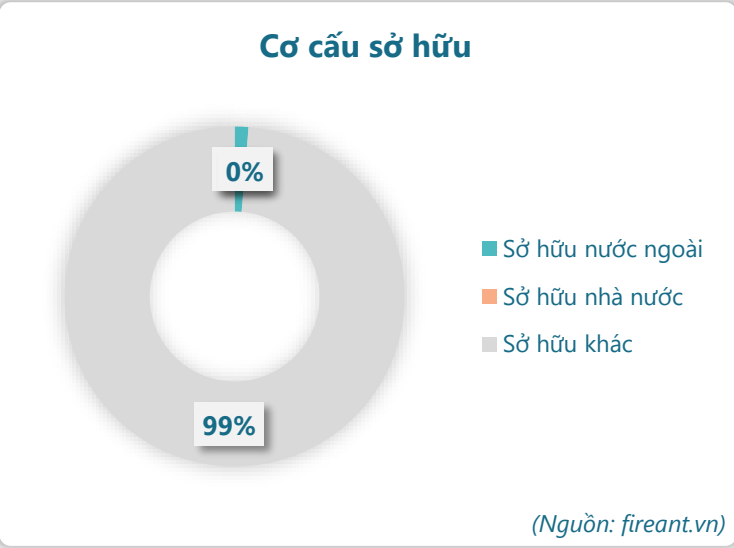
YoY: ▲ 74.5| 123%

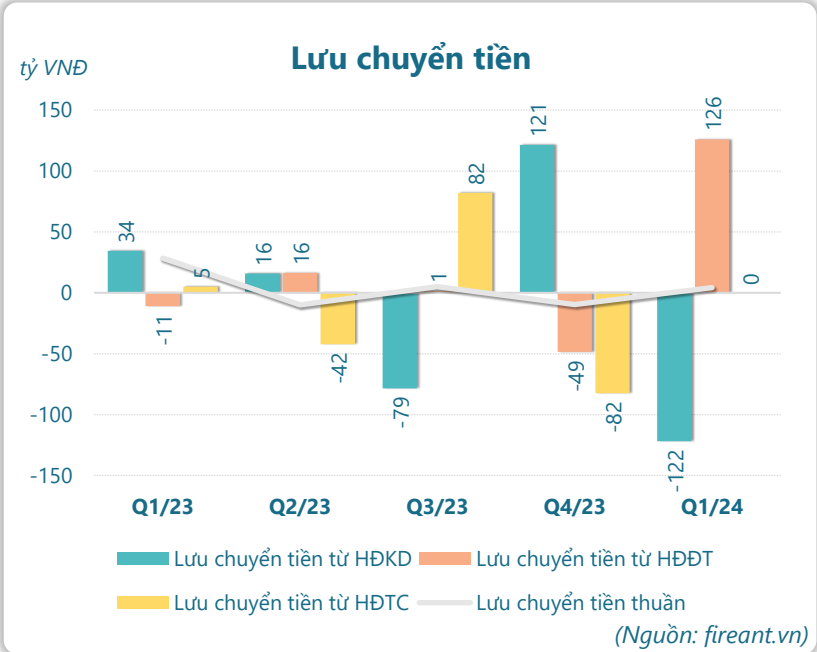
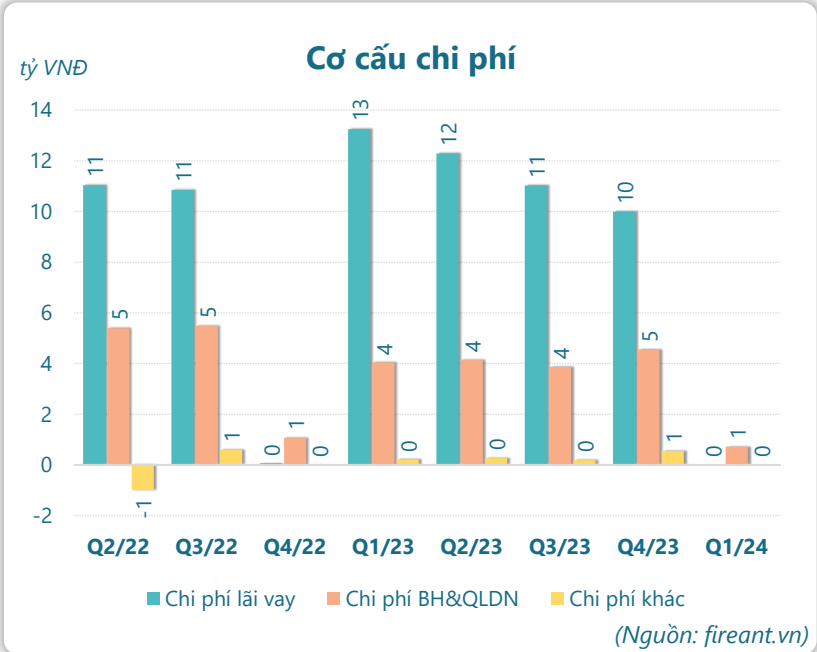
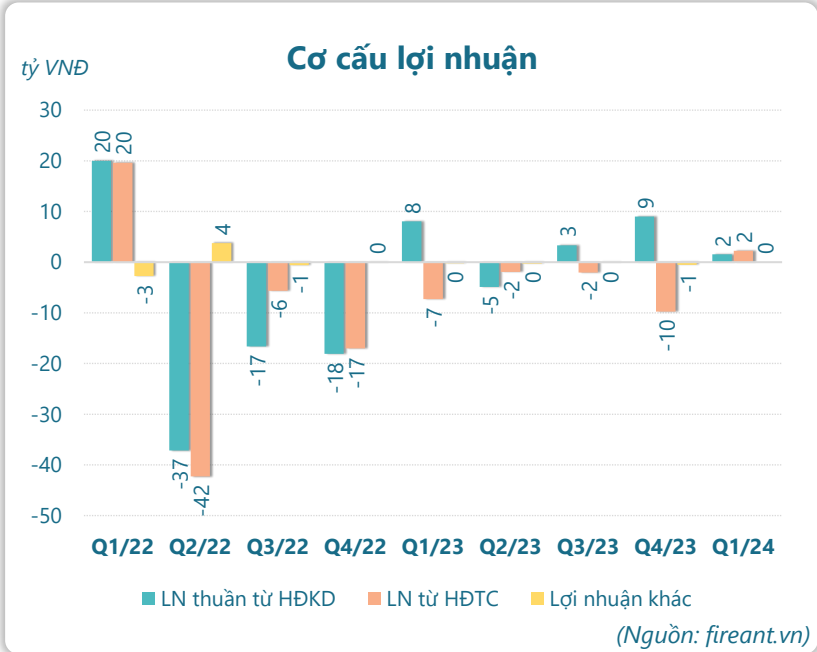
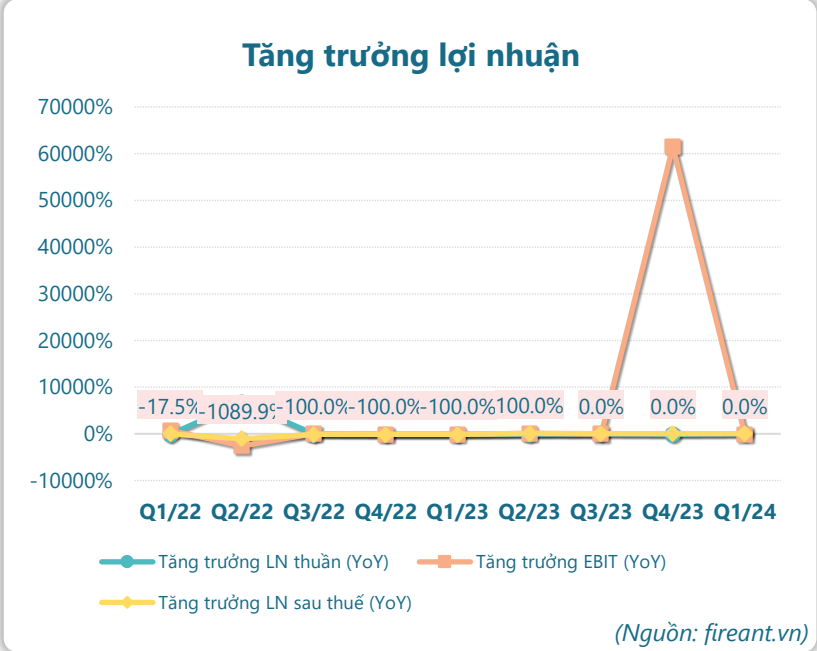
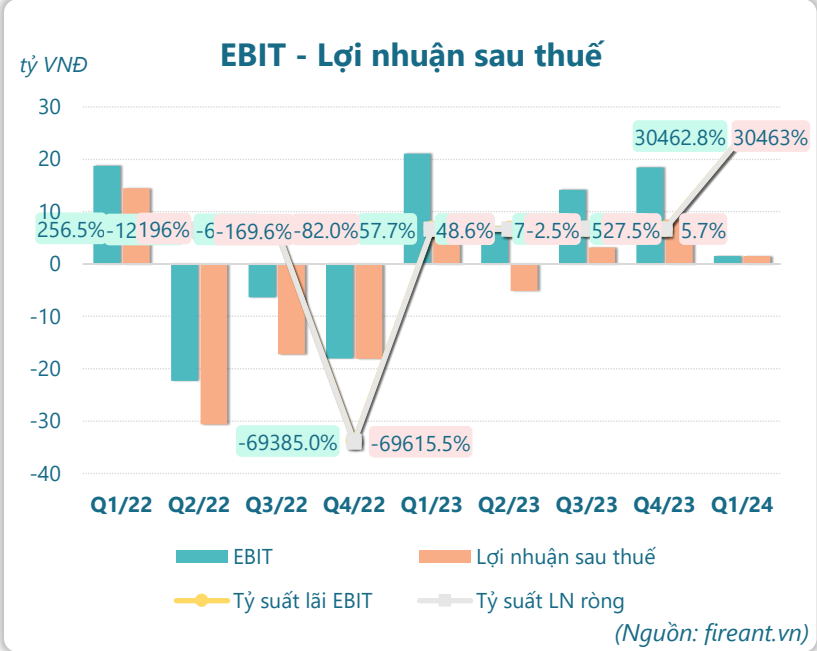
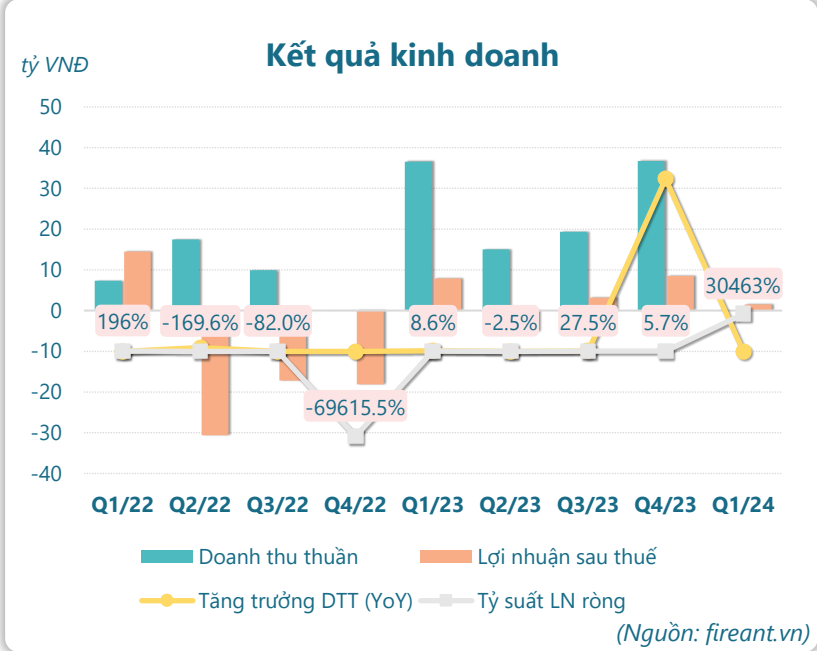
ROE

2023

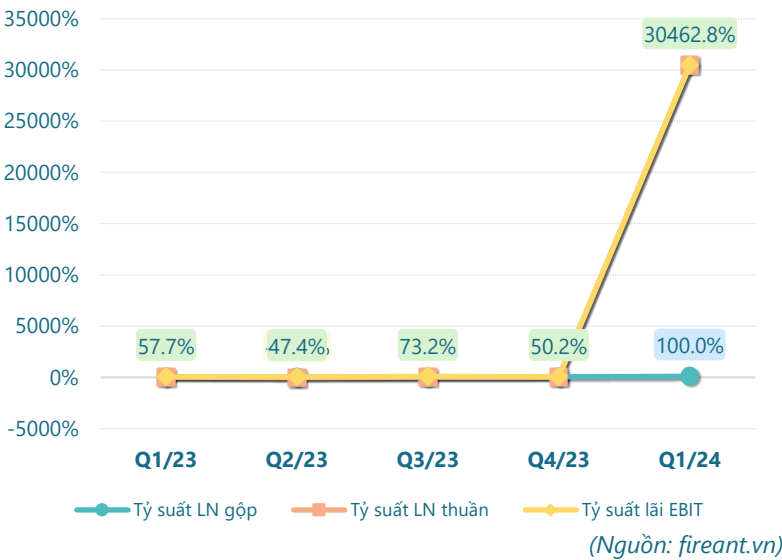
1.9%

+/- YoY: ▲ 14.5%

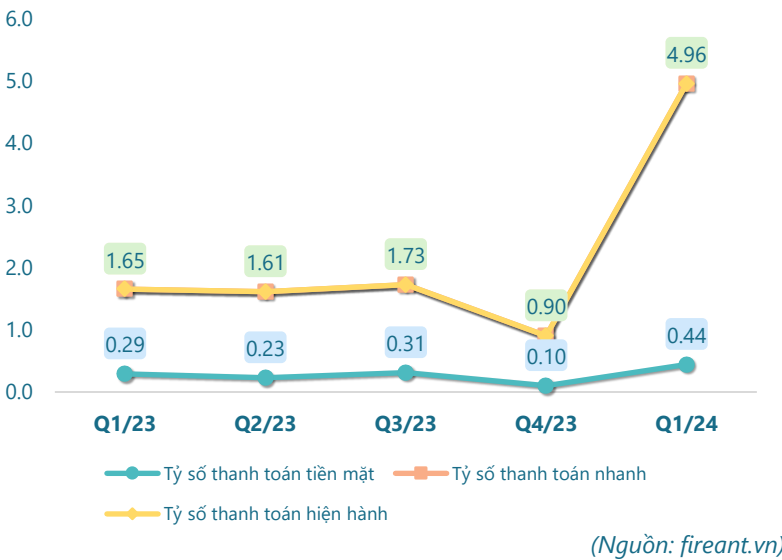




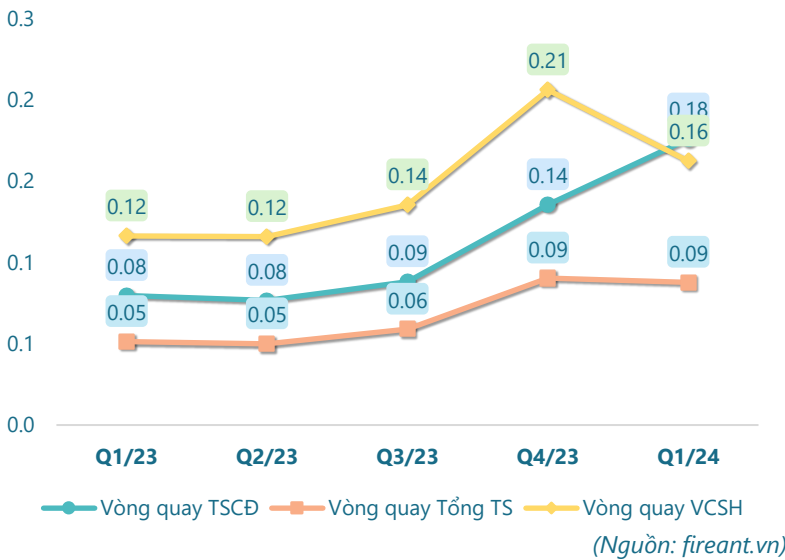
Tỷ suất lợi nhuận



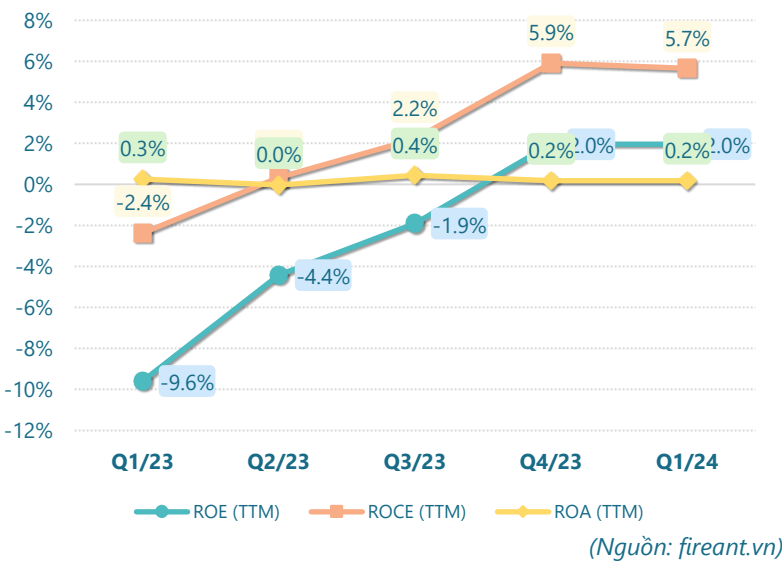
Chỉ số thanh khoản



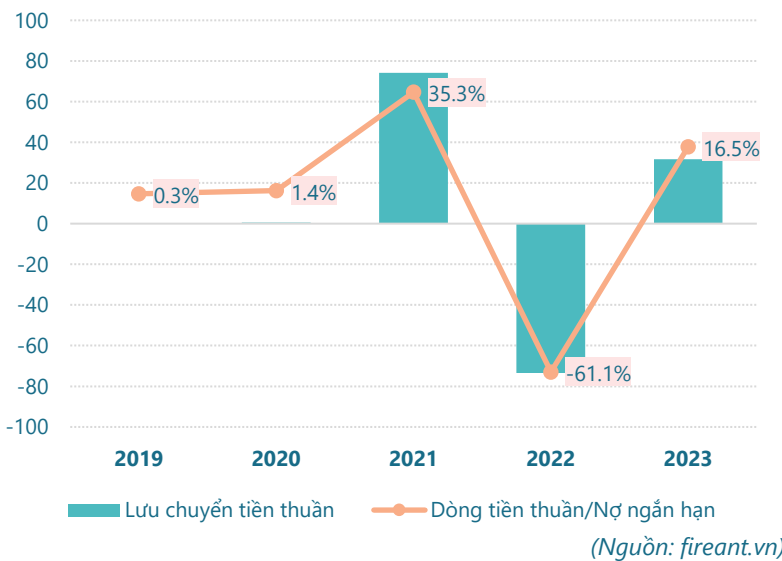
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

